

CÔNG TY CỔ PHẦN X20
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020



CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	09 - 10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 38

1012
CÔ
ÁCH N
M TOA
VIỆ
GIẢ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần X20 (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Vũ Văn Nhất	Chủ tịch (bỏ nhiệm từ ngày 01/05/2020)
Ông Hà Chí Khoa	Chủ tịch (bỏ nhiệm từ ngày 01/03/2020 và miễn nhiệm từ ngày 01/05/2020)
Ông Phạm Văn Đô	Chủ tịch (miễn nhiệm từ ngày 01/03/2020)
Ông Hoàng Sỹ Tâm	Phó Chủ tịch
Bà Dương Thị Thu Hòa	Thành viên
Ông Chu Văn Đệ	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Lan Phương	Thành viên
Bà Phan Vũ Thúy Anh	Thành viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Hoàng Sỹ Tâm	Tổng Giám đốc
Ông Hà Chí Khoa	Phó Tổng giám đốc
Ông Phạm Văn Đông	Phó Tổng giám đốc
Ông Chu Văn Đệ	Phó Tổng giám đốc

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Số: *H39*-20/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày *27* tháng 08 năm 2020

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần X20

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần X20 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 07 năm 2020, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30/06/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Như đã thuyết minh tại mục 5 phần I Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, Công ty đã trích các khoản thưởng của cả năm 2020 và lương tháng 13 năm 2020 vào chi phí 6 tháng đầu năm 2020 với tổng giá trị là 1.013.563.107 đồng. Nếu các khoản chi phí này được hạch toán đúng kỳ thì chi phí quản lý doanh nghiệp cho kỳ hoạt động từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 sẽ giảm và lợi nhuận kế toán trước thuế sẽ tăng tương ứng.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2020, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
(tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 và Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty đã được soát xét và kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác với kết luận và ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các Báo cáo tài chính tổng hợp này.



Ngô Bá Duy

Giám đốc kiểm toán

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1107-2018-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		185.482.257.549	142.849.861.250
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		68.651.459.533	13.245.919.814
1 Tiền	111	V.1.	68.651.459.533	13.245.919.814
II Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		47.221.866.870	55.837.298.607
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.	38.475.847.522	34.405.518.205
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3.	3.461.212.995	6.175.687.890
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6.	10.017.301.134	18.539.824.905
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(4.732.494.781)	(3.283.732.393)
IV Hàng tồn kho	140	V.8.	67.549.513.606	72.269.417.217
1 Hàng tồn kho	141		74.859.362.637	72.332.317.287
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(7.309.849.031)	(62.900.070)
V Tài sản ngắn hạn khác	150		2.059.417.540	1.497.225.612
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10.	363.548.288	192.999.952
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.041.490.479	-
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14.	654.378.773	1.304.225.660
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		240.879.532.641	261.709.448.321
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	10.800.000.000
1 Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4.	-	10.800.000.000
II Tài sản cố định	220		176.122.104.361	184.634.668.477
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.11.	172.530.204.361	181.042.768.477
- Nguyên giá	222		321.732.843.959	321.060.483.143
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(149.202.639.598)	(140.017.714.666)
2 Tài sản cố định vô hình	227	V.9.	3.591.900.000	3.591.900.000
- Nguyên giá	228		9.767.833.720	9.767.833.720
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.175.933.720)	(6.175.933.720)
IV Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.5.	62.634.677.464	61.374.504.173
1 Đầu tư vào công ty con	251		61.735.835.186	61.735.835.186
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1.659.000.000	1.659.000.000
3 Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(760.157.722)	(2.020.331.013)
VI Tài sản dài hạn khác	260		2.122.750.816	4.900.275.671
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10.	2.122.750.816	4.900.275.671
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		426.361.790.190	404.559.309.571

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

01/01/2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
C NỢ PHẢI TRẢ	300		192.164.330.054	167.893.377.030
I Nợ ngắn hạn	310		191.364.330.054	167.093.377.030
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12.	79.368.504.101	65.039.366.650
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13.	59.382.641.147	556.287.459
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14.	3.922.812.419	1.109.605.414
4 Phải trả người lao động	314		11.692.670.957	15.914.320.480
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15.	7.480.685.470	6.830.772.392
6 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18.	11.921.566.708	10.183.288.856
7 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17.	4.248.405.528	19.550.477.181
8 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16.	9.660.000.000	46.527.403.368
9 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.687.043.724	1.381.855.230
II Nợ dài hạn	330		800.000.000	800.000.000
1 Phải trả dài hạn khác	337	V.17.	800.000.000	800.000.000
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		234.197.460.136	236.665.932.541
I Vốn chủ sở hữu	410	V.19.	234.197.460.136	236.665.932.541
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		172.500.000.000	172.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		172.500.000.000	172.500.000.000
2 Quỹ đầu tư phát triển	418		56.635.639.925	56.635.639.925
3 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.061.820.211	7.530.292.616
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		2.252.414.120	4.880.028.337
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		2.809.406.091	2.650.264.279
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		426.361.790.190	404.559.309.571

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị





Trần Tiến Dũng

Phan Vũ Thúy Anh

Vũ Văn Nhất

Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	322.784.238.384	352.345.040.851
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		322.784.238.384	352.345.040.851
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	284.109.127.720	316.544.798.148
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		38.675.110.664	35.800.242.703
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	111.042.977	654.941.271
7. Chi phí tài chính	22	VI.4.	(381.786.312)	2.265.787.435
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		781.862.613	1.760.564.480
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7.	4.672.189.628	7.466.229.212
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7.	30.248.723.374	19.590.041.795
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		4.247.026.951	7.133.125.532
11. Thu nhập khác	31	VI.5.	331.681.568	262.318.983
12. Chi phí khác	32	VI.6.	519.455.541	113.160.404
13. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		(187.773.973)	149.158.579
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		4.059.252.978	7.282.284.111
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9.	1.249.846.887	1.023.873.259
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		2.809.406.091	6.258.410.852

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Người lập biểu



Trần Tiến Dũng

Kế toán trưởng



Phan Vũ Thúy Anh

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Vũ Văn Nhất

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.)

Mẫu số B 03a - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.059.252.978	7.282.284.111
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		9.184.924.932	8.444.161.810
- Các khoản dự phòng	03		7.435.538.058	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		36.542.426	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(111.042.977)	(654.941.271)
- Chi phí lãi vay	06		781.862.613	1.760.564.480
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		21.387.078.030	16.832.069.130
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		6.720.678.226	247.163.750.461
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.527.045.350)	83.366.842.574
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		69.956.369.810	(325.326.948.604)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.606.976.519	(466.251.157)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(813.705.499)	(1.760.564.480)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(600.000.000)	(3.699.706.356)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.947.853.555)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		93.782.498.181	16.109.191.568
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(223.758.000)	(897.553.994)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.800.000.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		111.042.977	654.941.271
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		10.687.284.977	(242.612.723)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		35.144.039.055	121.448.372.247
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(72.011.442.423)	(152.350.782.629)

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.)

Mẫu số B 03a - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(12.214.645.176)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(49.082.048.544)	(30.902.410.382)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</i>	50		55.387.734.614	(15.035.831.537)
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	60		13.245.919.814	22.633.289.613
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61		17.805.105	-
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</i>	70	V.01	68.651.459.533	7.597.458.076

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Người lập biểu



Trần Tiến Dũng

Kế toán trưởng



Phan Vũ Thúy Anh

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Vũ Văn Nhất

202228-C
CÔNG TY
NHIỆM HỮU
OÁN VÀ ĐỊNH
IỆT NAM
IẤY - TP.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần X20 (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty 20 thuộc Tổng cục Hậu cần, theo Quyết định số 3967/QĐ-BQP ngày 28/12/2007 của Bộ Quốc phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100109339 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 31/12/2008. Công ty có 10 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 ngày 13/05/2020 thì vốn điều lệ của Công ty là **172.500.000.000 VND** (Bằng chữ: Một trăm bảy mươi hai tỷ, năm trăm triệu đồng chẵn).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh mặt hàng dệt và may mặc.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh hàng dệt, nhuộm, may, nguyên phụ liệu hàng dệt, nhuộm, may; Kinh doanh nhiên liệu, hóa chất, thuốc nhuộm phục vụ sản xuất và tiêu dùng; Kinh doanh máy móc, thiết bị, phụ tùng ngành dệt, nhuộm, may; Dịch vụ tư vấn quản lý và kỹ thuật trong ngành dệt, nhuộm và may; Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất thiết bị bảo vệ an toàn như: quần áo chống cháy, dây bảo hiểm, phao cứu sinh...; Sản xuất chổi, bàn chải bao gồm bàn chải là bộ phận của máy móc, bàn chải sàn cơ khí điều khiển bằng tay, giẻ lau, máy hút bụi lông, chổi vẽ, trục lăn...;
- Xây dựng nhà các loại;
- Dịch vụ đào tạo lao động ngành dệt, nhuộm, may và cung ứng lao động; Quảng cáo và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo;
- Kinh doanh siêu thị, hệ thống cửa hàng; Đại lý kinh doanh xăng dầu, chất đốt; Kinh doanh thùng, hòm hộp, bao gói sản phẩm các loại phục vụ sản xuất và tiêu dùng; Kinh doanh các mặt hàng điện tử, điện lạnh, điện dân dụng, thiết bị đồ dùng gia đình, trang thiết bị, đồ dùng văn phòng;
- Kinh doanh các mặt hàng nông sản, thủy sản, hải sản, lâm sản các loại; Kinh doanh các mặt hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng; Kinh doanh các mặt hàng lương thực, thực phẩm, đồ uống phục vụ sản xuất và tiêu dùng;
- Quảng cáo và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo.

Trụ sở của Công ty: Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ hoạt động có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ

Do ảnh hưởng toàn cầu về sự bùng phát và lây lan của đại dịch do virus corona ("Covid 19") đã và đang tác động đến nền kinh tế thế giới và đặc biệt tại Việt Nam có quy định cách ly xã hội từ ngày 01/04/2020 đến ngày 22/04/2020 theo Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31/03/2020 của Thủ tướng Chính phủ, Công ty hoạt động trong lĩnh vực may mặc nên trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020, các đơn hàng xuất khẩu của Công ty gặp khó khăn, Công ty chủ yếu sản xuất hàng quốc phòng trong nước làm cho doanh thu giảm so với cùng kỳ năm trước. Tháng 7/2020 dịch virus corona tiếp tục bùng phát tại Việt Nam, dự kiến kế hoạch sản xuất 6 tháng cuối năm sẽ tiếp tục gặp khó khăn, do đó, để đảm bảo nguồn lương chi trả cho cán bộ công nhân viên, Công ty đã trích trước các khoản thưởng của cả năm 2020 và lương tháng 13 năm 2020 vào vào chi phí 6 tháng đầu năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt,
Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

6. Cấu trúc doanh nghiệp**a) Danh sách các Công ty con kiểm soát trực tiếp**

Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	Xã Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm dệt may in	100%	100%
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	Lô 1, KCN Tây Bắc Ga, phường Đông Thọ, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm dệt, nhuộm, may	100%	100%
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	Lô 1, KCN Hòa Xá, TP. Nam Định, tỉnh Nam Định	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm dệt, nhuộm, may	100%	100%
Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An	Số 1 đường Tuệ Tĩnh, phường Hưng Dũng, TP Vinh, tỉnh Nghệ An	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm may mặc	100%	100%

b) Danh sách các Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần 199 có trụ sở chính tại thôn Mậu Cừ, xã Thanh Hà, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty con này là sản xuất hàng may sẵn. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại Công ty liên kết là 33,4%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

c) Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc

Tên chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần X20 - Xí nghiệp Thương mại	Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội.
Xí nghiệp May 3	Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội.
Xí nghiệp Đo may quân đội	Phường Phúc Đồng, quận Long Biên, TP. Hà Nội
Trường mầm non	Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội.

7. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các đơn vị trực thuộc. Các giao dịch nội bộ và số dư nội bộ giữa Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập là báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty mẹ. Công ty lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Đồng thời, Công ty cũng lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (như chi tiết trình bày tại Thuyết minh I.6) cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để có được đầy đủ các thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

2. Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

3. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thanh Xuân nơi Công ty có giao dịch đó tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thanh Xuân nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thanh Xuân nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thanh Xuân nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ khi các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

- Đối với khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết có cổ phiếu niêm yết trên thị trường hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc trích lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập dự phòng tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua -

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn thu hồi của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra do đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán vì bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự dẫn đến khả năng không thu hồi được đúng hạn.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có sự suy giảm giá trị (giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được). Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Nguyên tắc kế toán và phương pháp khấu hao TSCĐ

8.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

228-C
TY
M HỮU H
À ĐINH
NAM
TP. H

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định**Thời gian khấu hao (năm)**

Nhà cửa vật kiến trúc	07 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 12
Phương tiện vận tải	05 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03
Tài sản cố định khác	03

8.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định được bán thanh thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm máy vi tính và quyền sử dụng đất lâu dài tại địa chỉ số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước là công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ và chi phí lắp đặt, đại tu thiết bị nhuộm..

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

Chi phí lắp đặt, đại tu thiết bị nhuộm thuộc Dự án quy hoạch di dời phân xưởng nhuộm là chi phí đặt phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

10. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên kết.

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả. Nợ phải trả có gốc ngoại tệ được Công ty đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có phát sinh giao dịch.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản trích trước chi phí lãi vay, chi phí dự án chung cư cao tầng, lương phép, tiền thuê đất và các khoản chi phí trích trước khác là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc đầy đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo và các khoản phải trả chưa phát sinh do chưa ghi nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ này để đảm bảo khi phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản nhận trước của khách hàng kinh doanh hàng may mặc cho một hoặc nhiều kỳ kế toán. Doanh thu nhận trước được kết chuyển vào doanh thu hàng kỳ theo thực tế phát sinh.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập

Doanh thu của Công ty là doanh thu từ bán hàng hóa, thành phẩm may mặc, doanh thu dịch vụ cho thuê mặt bằng, tài sản, doanh thu gia công, doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức và lợi nhuận được chia.

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập hoặc lợi nhuận được chia từ việc góp vốn.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá...

17. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 0% đối với các lô hàng xuất khẩu, 10% đối với các lô hàng hàng khác.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ**1. Tiền**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	4.841.247.133	2.122.512.135
Tiền gửi ngân hàng	63.810.212.400	11.123.407.679
Cộng	68.651.459.533	13.245.919.814

2. Phải thu của khách hàng

	30/06/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Cục Quân nhu	-	-	3.217.117.445	-
Công ty Cổ phần Cái Mép	8.206.296.019	(3.150.883.518)	7.179.227.647	(1.702.121.130)

CÔNG TY CỔ PHẦN X20Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt,
Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	2.619.441.051	-	4.483.175.460	-
CK DIAZ GENERAL MERCHANDISE	1.374.837.274	(687.121.311)	2.529.742.621	(687.121.311)
Công ty TNHH Youngone Nam Định	1.878.719.093	-	-	-
Poongshin Co., LTD	2.325.645.424	-	703.151.562	-
Bộ Tư lệnh Đặc công PRO SPORT (HK) LIMITED	1.867.621.040	-	-	-
	3.382.876.784	-	198.136.835	-
Các đối tượng khác	16.820.410.837	(894.489.952)	16.094.966.635	(894.489.952)
Cộng	38.475.847.522	(4.732.494.781)	34.405.518.205	(3.283.732.393)

b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

3. Trả trước cho người bán

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
<i>a) Ngắn hạn</i>		
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	2.520.882.096	4.983.465.096
Công ty CP Cơ nhiệt Trường Thành	410.438.000	410.438.000
Công ty TNHH Môi trường V-Green	284.876.000	-
Các đối tượng khác	245.016.899	781.784.794
Cộng	3.461.212.995	6.175.687.890

b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

4. Phải thu về cho vay

	30/06/2020 VND		01/01/2020 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a) Dài hạn</i>				
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định (*)	-	-	10.800.000.000	-
Cộng	-	-	10.800.000.000	-

(*) Khoản cho vay theo Hợp đồng cho vay số 08A/2018/X20 - X20NB, số tiền cho vay là 29 tỷ đồng, lãi suất cho vay 2,5%/năm, thời hạn vay là 3 năm kể từ ngày 01/01/2018, khoản vay không có tài sản đảm bảo. Khoản cho vay đã tất toán trong kỳ.

b) Phải thu về cho vay là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

5. Các khoản đầu tư tài chính**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a) Đầu tư vào công ty con	61.735.835.186	(760.157.722)	61.735.835.186	(2.020.331.013)
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa (1)	8.000.000.000	(760.157.722)	8.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên (2)	9.500.000.000	-	9.500.000.000	-
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định (3)	38.235.835.186	-	38.235.835.186	(2.020.331.013)
Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An (4)	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
b) Đầu tư vào công ty liên kết	1.659.000.000	-	1.659.000.000	-
Công ty Cổ phần 199 (5)	1.659.000.000	-	1.659.000.000	-
Cộng	63.394.835.186	(760.157.722)	63.394.835.186	(2.020.331.013)

(1) Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa hoạt động kinh doanh bình thường và không có sự thay đổi lớn so với năm trước. Tại ngày 30/06/2020, số lỗ lũy kế của Công ty là 760.157.722 VND. Các giao dịch phát sinh chủ yếu với Công ty là giao dịch mua bán hàng hóa. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư không xác định được do không có giá giao dịch.

(2) Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên hoạt động kinh doanh bình thường và không có sự thay đổi lớn so với năm trước. Tại ngày 30/06/2020, lợi nhuận lũy kế của Công ty là 3.620.839.761 VND. Các giao dịch phát sinh chủ yếu với Công ty là giao dịch mua bán hàng hóa. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư không xác định được do không có giá giao dịch.

(3) Công ty TNHH MTV X20 Nam Định hoạt động kinh doanh bình thường và không có sự thay đổi lớn so với năm trước. Tại ngày 30/06/2020, lợi nhuận lũy kế của Công ty là 2.524.035.322 VND. Các giao dịch phát sinh chủ yếu với Công ty là giao dịch mua bán hàng hóa. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư không xác định được do không có giá giao dịch.

(4) Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An hoạt động kinh doanh bình thường và không có sự thay đổi lớn so với năm trước. Tại ngày 30/06/2020, lợi nhuận lũy kế của Công ty là 262.944.539 đồng. Các giao dịch phát sinh chủ yếu với Công ty là giao dịch mua bán hàng hóa. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư không xác định được do không có giá giao dịch.

(5) Công ty Cổ phần 199 hoạt động kinh doanh bình thường và không có sự thay đổi lớn so với năm trước. Các giao dịch phát sinh chủ yếu với Công ty là giao dịch mua bán hàng hóa và phân phối lợi nhuận. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này chưa xác định được do chưa đủ thông tin cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt,
Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

6. Phải thu khác

	30/06/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Tạm ứng	1.028.427.143	-	1.052.785.443	-
Phải thu khác	8.988.873.991	-	17.487.039.462	-
Góp vốn để hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Sản xuất và Xuất nhập khẩu Thanh Xuân	6.566.242.158	-	6.566.242.158	-
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	404.606.621	-	789.606.621	-
Công ty Cổ phần 22	654.544.760	-	-	-
Cho vay khó khăn	286.000.000	-	495.000.000	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-	9.286.232.436	-
Trường mầm non (thu hộ chi hộ)	866.713.760	-	213.273.569	-
Các đối tượng khác	210.766.692	-	136.684.678	-
Cộng	10.017.301.134	-	18.539.824.905	-

b) Phải thu khác của các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

7. Nợ xấu

	30/06/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi, đã trích lập dự phòng				
Phải thu khách hàng				
Công ty Cổ phần Cái Mép	8.206.296.019	5.055.412.501	7.179.227.647	5.477.106.517
CK DIAZ GENERAL MERCHANDISE	1.374.837.274	687.715.963	2.529.742.621	1.842.621.310
Công ty TNHH Pearl Global Việt Nam	997.191.910	498.595.955	997.191.910	498.595.955
Công ty TNHH Thương mại SW	374.025.194	187.012.597	974.025.194	787.012.597
Công ty Xây dựng 472 - Binh đoàn 12	208.881.400	-	208.881.400	-
Cộng	11.161.231.797	6.428.737.016	11.889.068.772	8.605.336.379

CÔNG TY CỔ PHẦN X20Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt,
Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

8. Hàng tồn kho

	30/06/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	35.663.601.851	(6.555.176.915)	37.027.437.408	(62.900.070)
Công cụ, dụng cụ	36.215.531	-	29.110.271	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.940.840.715	-	17.389.889.638	-
Thành phẩm	20.969.132.896	(754.672.116)	13.372.214.349	-
Hàng hóa	8.170.964.454	-	4.443.162.430	-
Hàng gửi bán	78.607.190	-	70.503.191	-
Cộng	74.859.362.637	(7.309.849.031)	72.332.317.287	(62.900.070)

9. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Đơn vị tính: VND
			Cộng
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2020	9.504.466.000	263.367.720	9.767.833.720
Mua trong kỳ	-	-	-
Số dư ngày 30/06/2020	9.504.466.000	263.367.720	9.767.833.720
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2020	5.912.566.000	263.367.720	6.175.933.720
Khấu hao trong kỳ	-	-	-
Số dư ngày 30/06/2020	5.912.566.000	263.367.720	6.175.933.720
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2020	3.591.900.000	-	3.591.900.000
Tại ngày 30/06/2020	3.591.900.000	-	3.591.900.000

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.175.933.720 VND

10. Chi phí trả trước

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn	363.548.288	192.999.952
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	363.548.288	192.999.952
b) Dài hạn	2.122.750.816	4.900.275.671
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	353.418.131	476.943.958
Chi phí lắp đặt, đại tu thiết bị thuộc Dự án quy hoạch di dời phân xưởng nhuộm	1.769.332.685	4.423.331.713
Cộng	2.486.299.104	5.093.275.623

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND
						Cộng
Nguyên giá						
Số dư ngày 01/01/2020	226.693.200.819	67.665.160.035	15.544.984.709	4.965.779.453	6.191.358.127	321.060.483.143
Đầu tư XDCB hoàn thành	672.360.816	-	-	-	-	672.360.816
Số dư ngày 30/06/2020	227.365.561.635	67.665.160.035	15.544.984.709	4.965.779.453	6.191.358.127	321.732.843.959
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư ngày 01/01/2020	85.265.855.564	41.837.325.682	7.919.004.806	3.817.993.658	1.177.534.956	140.017.714.666
Khấu hao trong kỳ	6.352.170.656	2.105.301.036	498.304.780	229.148.460	-	9.184.924.932
Số dư ngày 30/06/2020	91.618.026.220	43.942.626.718	8.417.309.586	4.047.142.118	1.177.534.956	149.202.639.598
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2020	141.427.345.255	25.827.834.353	7.625.979.903	1.147.785.795	5.013.823.171	181.042.768.477
Tại ngày 30/06/2020	135.747.535.415	23.722.533.317	7.127.675.123	918.637.335	5.013.823.171	172.530.204.361

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 67.867.848.689 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt,
Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

12. Phải trả người bán

	30/06/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn				
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	18.050.820.440	18.050.820.440	25.368.003.663	25.368.003.663
Công ty TNHH Sản xuất kinh doanh Vĩnh Thịnh	4.771.689.601	4.771.689.601	7.050.813.461	7.050.813.461
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	2.700.105.166	2.700.105.166	2.196.133.785	2.196.133.785
Công ty TNHH Sao	3.002.770.100	3.002.770.100	2.733.093.000	2.733.093.000
Công ty Dệt may Mai Linh	2.328.319.620	2.328.319.620	2.498.709.806	2.498.709.806
Công ty TNHH Dệt may Mỹ Thịnh	4.117.682.030	4.117.682.030	2.443.776.500	2.443.776.500
Công ty Cổ phần Sản xuất và kinh doanh phụ liệu ngành may Hà Nội	2.563.005.587	2.563.005.587	2.000.964.604	2.000.964.604
Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh nguyên liệu may Việt Nam	5.181.638.162	5.181.638.162	1.814.590.140	1.814.590.140
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	3.144.195.895	3.144.195.895	1.303.707.983	1.303.707.983
Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An	4.627.983.974	4.627.983.974	955.762.267	955.762.267
Công ty Cổ phần Dệt May 7	7.427.599.015	7.427.599.015	-	-
Các đối tượng khác	21.452.694.511	21.452.694.511	16.673.811.441	16.673.811.441
Cộng	79.368.504.101	79.368.504.101	65.039.366.650	65.039.366.650

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

13. Người mua trả tiền trước

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Cục Quân nhu - Tổng cục Hậu cần	58.844.504.491	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí 25	105.510.000	-
Đoàn Văn công Quân khu 3	250.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt,
Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

Công ty TNHH Tổng hợp đầu tư và Thương mại Phương Hà Anh	111.259.231	111.259.231
Shinwoo Trading Co., Ltd	58.170.139	290.100.611
Bộ Tư lệnh Biên phòng	13.197.286	154.927.617
Cộng	59.382.641.147	556.287.459

b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2020	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Đơn vị tính: VND 30/06/2020
a) Phải nộp				
Thuế GTGT đầu ra	1.086.618.700	7.727.536.532	4.909.994.313	3.904.160.919
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	-	600.000.000	600.000.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	22.986.714	214.682.955	219.018.169	18.651.500
Tiền thuế đất	-	250.388.544	250.388.544	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	496.772.000	496.772.000	-
Cộng	1.109.605.414	9.038.991.487	6.225.784.482	3.922.812.419
b) Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.304.225.660	649.846.887	-	654.378.773
Cộng	1.304.225.660	649.846.887	-	654.378.773

15. Chi phí phải trả

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Ngắn hạn		
Trích trước tiền lương nghỉ phép	359.930.468	1.418.316.251
Trích trước tiền điện phải trả	187.113.875	101.177.558
Trích trước chi phí lãi vay	-	31.842.886
Trích trước tiền thuê đất	5.389.693.351	3.689.764.628
Trích trước chi phí dự án xây dựng nhà chung cư	1.543.947.776	1.543.947.776
Các khoản trích trước khác	-	45.723.293
Cộng	7.480.685.470	6.830.772.392

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

16. Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	30/06/2020 VND		Trong kỳ VND		01/01/2020 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thăng Long (*)	-	-	25.484.039.055	61.246.049.023	35.762.009.968	35.762.009.968
Cục Quân Nhu - Tổng Cục Hậu Cần	9.660.000.000	9.660.000.000	9.660.000.000	10.765.393.400	10.765.393.400	10.765.393.400
Cộng	9.660.000.000	9.660.000.000	35.144.039.055	72.011.442.423	46.527.403.368	46.527.403.368

(*) Hợp đồng tín dụng số 45516.18.054.5124 ngày 24/12/2018 và văn bản sửa đổi hợp đồng tín dụng số 45516.18..054.5124.TD.PL ngày 31/03/2019, hạn mức vay 150 tỷ đồng, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay không quá 07 tháng, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay đã được tất toán trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt,
Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

17. Phải trả khác

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
a) Ngắn hạn	4.248.405.528	19.550.477.181
Kinh phí công đoàn	11.618.666	925.705.250
Bảo hiểm xã hội	1.139.517.390	-
Bảo hiểm y tế	191.017.555	-
Bảo hiểm thất nghiệp	84.562.091	-
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	54.008.000	54.008.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác.	2.767.681.826	18.570.763.931
Cổ tức còn phải trả	1.946.700.000	12.436.345.176
Tiền ốm đau thai sản chi hộ	100.619.778	93.804.382
Vật tư nhập kho chưa có HĐ GTGT	46.982.592	2.646.406.188
Trợ cấp thôi việc	78.250.500	1.531.570.564
Phí bảo trì nhà chung cư	-	1.436.543.128
Các khoản phải trả, phải nộp khác.	595.128.956	426.094.493
b) Dài hạn	800.000.000	800.000.000
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	800.000.000	800.000.000
Cộng	5.048.405.528	20.350.477.181

18. Doanh thu chưa thực hiện

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Ngắn hạn		
Doanh thu nhận trước các mặt hàng may mặc	11.921.566.708	10.183.288.856
Cộng	11.921.566.708	10.183.288.856

19. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
			Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2019	172.500.000.000	28.890.919.999	201.390.919.999
Lãi trong năm trước	-	2.650.264.279	2.650.264.279
Chia cổ tức	-	(17.250.000.000)	(17.250.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(6.760.891.662)	(6.760.891.662)
Số dư tại ngày 31/12/2019	172.500.000.000	7.530.292.616	180.030.292.616
Lãi trong kỳ này	-	2.809.406.091	2.809.406.091
Chia cổ tức (*)	-	(1.725.000.000)	(1.725.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(3.552.878.496)	(3.552.878.496)
Số dư tại ngày 30/06/2020	172.500.000.000	5.061.820.211	177.561.820.211

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt,
Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

(*) Công ty chia cổ tức và trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 17A/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/04/2020.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Bộ Quốc phòng	123.711.900.000	123.711.900.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Cái Mép	5.000.000.000	5.000.000.000
Vốn góp cổ đông khác	43.788.100.000	43.788.100.000
Cộng	172.500.000.000	172.500.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	172.500.000.000	172.500.000.000
Vốn góp đầu kỳ	172.500.000.000	172.500.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	172.500.000.000	172.500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.725.000.000	17.250.000.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2020	01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.250.000	17.250.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	17.250.000	17.250.000
- Cổ phiếu phổ thông	17.250.000	17.250.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.250.000	17.250.000
- Cổ phiếu phổ thông	17.250.000	17.250.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/Cổ phiếu		

e) Các quỹ của doanh nghiệp

Khoản mục	01/01/2020	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Đơn vị tính: VND
				30/06/2020
Quỹ đầu tư phát triển	56.635.639.925	-	-	56.635.639.925
Cộng	56.635.639.925	-	-	56.635.639.925

CÔNG TY CỔ PHẦN X20Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt,
Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	30/06/2020	01/01/2020
<i>Ngoại tệ các loại</i>		
Dollar Mỹ (USD)	38.268,06	22.123,21

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
<i>a) Doanh thu</i>		
Doanh thu của hàng hóa, thành phẩm	296.264.209.443	346.189.279.083
Doanh thu cung cấp dịch vụ	26.520.028.941	6.155.761.768
Cộng	322.784.238.384	352.345.040.851

*b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2***2. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Giá vốn bán hàng hoá, thành phẩm	252.882.963.233	314.659.852.564
Giá vốn cung cấp dịch vụ	22.279.051.971	1.884.945.584
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	7.246.948.961	-
Chi phí hỗ trợ lương cho X20 Nghệ An	1.700.163.555	-
Cộng	284.109.127.720	316.544.798.148

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	111.042.977	329.365.635
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	238.680.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	86.895.636
Cộng	111.042.977	654.941.271

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
<i>a) Các khoản chi phí tài chính phát sinh trong kỳ</i>	<i>1.638.544.701</i>	<i>2.265.787.435</i>
Chi phí lãi vay	781.862.613	1.760.564.480
Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con	760.157.722	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	59.981.940	34.715.754

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt,
Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái cuối kỳ	36.542.426	470.507.201
b) Các khoản ghi giảm chi phí tài chính trong kỳ	(2.020.331.013)	-
Hoàn nhập dự phòng đầu tư vào công ty con	(2.020.331.013)	-
Cộng	(381.786.312)	2.265.787.435
5. Thu nhập khác	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Tiền cho thuê nhà công vụ	-	161.518.180
Xử lý công nợ	76.855.573	-
Thu nhập từ tiền bồi thường nhận được	254.825.995	100.800.803
Cộng	331.681.568	262.318.983
6. Chi phí khác	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Chi phạt vi phạm hành chính về thuế	489.817.900	-
Chi phí khác	29.637.641	113.160.404
Cộng	519.455.541	113.160.404
7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	4.672.189.628	7.466.229.212
Chi phí nhân viên	785.741.386	1.007.249.967
Chi phí vật liệu, bao bì	892.322.002	1.525.363.858
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	39.527.695	1.495.350
Chi phí khấu hao TSCĐ	35.171.454	-
Chi phí bảo hành	650.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.682.331.422	4.192.282.262
Chi phí bằng tiền khác	1.236.445.669	739.837.775
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	30.248.723.374	19.590.041.795
Chi phí nhân viên quản lý	14.645.098.729	655.298.684
Chi phí vật liệu quản lý	367.254.913	10.624.785.522
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.984.559.110	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.811.145.129	2.002.611.833
Thuế, phí và lệ phí	871.145.520	1.008.294.601

CÔNG TY CỔ PHẦN X20Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt,
Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

Chi phí dự phòng	1.448.762.388	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.509.795.096	2.325.739.901
Chi phí bằng tiền khác	6.610.962.489	2.973.311.254
Cộng	34.920.913.002	27.056.271.007

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	67.285.950.378	64.021.559.637
Chi phí nhân công	49.182.606.753	58.185.997.146
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.016.557.880	8.444.161.810
Chi phí dịch vụ mua ngoài	148.664.742.367	54.436.298.698
Chi phí bằng tiền khác	10.791.098.831	8.308.435.286
Cộng	284.940.956.209	193.396.452.577

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường	
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	4.059.252.978
Các khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	-
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	2.189.981.455
Các khoản điều chỉnh khác (nếu có)	-
Lỗ được chuyển và bù trừ lãi lỗ các hoạt động	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	6.249.234.433
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.249.846.887
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.249.846.887

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu thì trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ thì chỉ trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Do đó, Công ty không trình bày chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ giữa niên độ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

VII Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ**1. Tiền thu đi vay thực thu trong kỳ**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	35.144.039.055	121.448.372.247
Cộng	35.144.039.055	121.448.372.247

2. Tiền đã thực trả nợ gốc vay trong kỳ

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	72.011.442.423	152.350.782.629
Cộng	72.011.442.423	152.350.782.629

VII Những thông tin khác**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ**

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Danh sách các bên liên quan**Bên liên quan**

Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa
 Công ty TNHH MTV X20 Nam Định
 Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên
 Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An
 Bộ Quốc phòng
 Cục Hậu Cần - Tổng Cục Hậu cần
 Cục Quân Nhu - Tổng Cục Hậu cần
 Công ty Cổ phần 22
 Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28
 Công ty Cổ phần 26
 Công ty Cổ phần 199

Mối quan hệ

Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Cổ đông chiếm 72% cổ phần
 Đơn vị trực thuộc của Bộ Quốc phòng
 Đơn vị trực thuộc của Bộ Quốc phòng
 Đơn vị trực thuộc của Bộ Quốc phòng
 Đơn vị trực thuộc của Bộ Quốc phòng
 Đơn vị trực thuộc của Bộ Quốc phòng
 Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt,
Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

***) Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Mua hàng	175.095.208.320	77.468.540.711
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	10.738.272.618	3.394.121.930
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	138.384.797.079	70.360.653.085
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	422.630.000	2.048.113.350
Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An	20.146.251.260	-
Công ty Cổ phần 199	4.795.362	188.490.909
Công ty Cổ phần 22	145.454.545	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	5.224.541.292	1.238.858.182
Công ty Cổ phần 26	28.466.164	238.303.255
Bán hàng hóa, thành phẩm	198.904.722.616	213.508.955.918
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	24.201.046	72.023.582
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	875.947.987	1.863.879.028
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	34.374.892	-
Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An	12.015.074	-
Công ty Cổ phần 199	393.779.998	-
Cục Hậu Cần - Tổng Cục Hậu Cần	209.003.954	92.755.621
Cục Quân Nhu - Tổng Cục Hậu Cần	180.967.375.429	211.376.247.527
Công ty Cổ phần 22	8.272.732	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	12.172.821.204	36.526.364
Công ty Cổ phần 26	4.206.930.300	67.523.796
Bán và cho thuê tài sản	6.101.602.321	4.252.462.069
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	801.370.315	764.162.906
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	3.099.386.766	2.481.432.603
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	1.006.866.560	1.006.866.560
Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An	1.189.183.318	-
Công ty Cổ phần 199	4.795.362	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	199.080.000
Công ty Cổ phần 199	-	199.080.000

***) Số dư với các bên liên quan**

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Các khoản phải thu khách hàng	3.166.520.035	9.565.301.389
Công ty Cổ phần 199	5.274.898	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	-	126.943.880
Cục Quân Nhu - Tổng Cục Hậu Cần	-	3.217.117.445

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt,
Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

Công ty Cổ phần 26	-	1.344.628.704
Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An	137.500.000	-
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	404.304.086	393.435.900
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	2.619.441.051	4.483.175.460
Các khoản trả trước cho người bán	2.520.882.096	4.983.465.096
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	2.520.882.096	4.983.465.096
Phải thu về cho vay	-	10.800.000.000
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	-	10.800.000.000
Phải thu khác	1.059.151.381	789.606.621
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	404.606.621	789.606.621
Công ty Cổ phần 22	654.544.760	-
Phải trả người bán	28.812.833.995	29.961.751.298
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	18.050.820.440	25.368.003.663
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	2.700.105.166	2.196.133.785
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	-	-
Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An	4.627.983.974	955.762.267
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	3.433.924.415	1.441.851.583
Người mua trả tiền trước	58.844.504.491	1.940.427.180
Cục Quân Nhu - Tổng Cục Hậu Cần	58.844.504.491	1.940.427.180
Vay	9.660.000.000	10.765.393.400
Cục Quân Nhu - Tổng Cục Hậu Cần	9.660.000.000	10.765.393.400
Phải trả khác	46.982.592	-
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	46.982.592	-

***) Thu nhập và các khoản vay của các thành viên quản lý chủ chốt**

Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Thu nhập của HĐQT và BKS	665.608.713	1.433.828.226
Thu nhập của Ban Tổng giám đốc	883.819.631	715.141.934
Cộng	1.549.428.344	2.148.970.160

3. Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.16 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Công nợ tài chính	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Các khoản vay	9.660.000.000	46.527.403.368
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	68.651.459.533	13.245.919.814
Nợ thuần	(58.991.459.533)	33.281.483.554
Vốn chủ sở hữu	234.197.460.136	236.665.932.541
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	-25,19%	14,06%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.2.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	68.651.459.533	13.245.919.814
Phải thu khách hàng và phải thu khác	43.760.653.875	49.661.610.717
Các khoản đầu tư tài chính	-	10.800.000.000
Cộng	112.412.113.408	73.707.530.531
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	9.660.000.000	46.527.403.368
Phải trả người bán và phải trả khác	84.416.909.629	85.389.843.831
Chi phí phải trả	7.480.685.470	6.830.772.392
Cộng	101.557.595.099	138.748.019.591

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

30/06/2020	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	83.616.909.629	800.000.000	84.416.909.629
Chi phí phải trả	7.480.685.470	-	7.480.685.470
Các khoản vay	9.660.000.000	-	9.660.000.000
01/01/2020	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	84.589.843.831	800.000.000	85.389.843.831
Chi phí phải trả	6.830.772.392	-	6.830.772.392
Các khoản vay	46.527.403.368	-	46.527.403.368

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/06/2020	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	68.651.459.533		68.651.459.533
Phải thu khách hàng và phải thu khác	43.760.653.875		43.760.653.875

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt,
Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

01/01/2020	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.245.919.814	-	13.245.919.814
Phải thu khách hàng và phải thu khác	49.661.610.717	-	49.661.610.717
Các khoản đầu tư tài chính	10.800.000.000	-	10.800.000.000

4. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 đã được soát xét và Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần X20 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh phía Bắc.

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người lập biểu

Kế toán trưởng






Trần Tiến Dũng

Phan Vũ Thúy Anh

Vũ Văn Nhất